

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày 18 tháng 3 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng
2. Ông Nguyễn Văn Môn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Tống Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B G tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B G mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2021/TLST-DS ngày 01/11/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 02/3/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Bưu điện L V.

Địa chỉ: Tòa nhà Th1, số 210 TQK, quận HK, Thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang T – Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L V – Chi nhánh B G.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thế M – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Hỗ trợ Hoạt động Ngân hàng TMCP Bưu điện L V – Chi nhánh B G.

Địa chỉ: Số 389 đường LL, phường HVT, thành phố B G, tỉnh B G.

* *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1987.

Địa chỉ HKTT khi ký Hợp đồng tín dụng: Thôn C, xã HG, huyện L N, tỉnh B G.

Nơi ở hiện nay: Thôn T S, xã T G, huyện T M, tỉnh H D. Nơi công tác: Trường mầm non T G, xã T G, huyện T M, tỉnh H D.

(Đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thế M trình bày:*

Ngân hàng TMCP Bưu Điện L V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng sau đây với chị Nguyễn Thị Thu B: Hợp đồng tín dụng số 3002017564 ngày 01/11/2017 và Giấy đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 3002017564/01 ngày 01/11/2017, cho chị Nguyễn Thị Thu B vay số tiền **220.000.000đồng**; Thời hạn vay: Từ ngày 02/11/2017 đến hết ngày 01/11/2022; Lãi suất 14%/năm; Lãi suất cho vay được quy đổi theo tỷ lệ %/năm là: 14,2%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm; Phương thức điều chỉnh lãi suất: Định kỳ 03 tháng/lần; Kỳ trả nợ gốc: 60 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, cụ thể: Số tiền gốc trả trong 59 kỳ đầu mỗi kỳ là: 3.670.000đồng; Số tiền gốc trả trong 01 kỳ cuối là: 3.470.000đồng; Kỳ hạn trả lãi: trả ngày 10 hàng tháng; Kỳ trả nợ cuối cùng: 01/11/2022; Mục đích vay: Tiêu dùng; Giải ngân hình thức: Chuyển tiền vào tài khoản. Khi vay không thế chấp tài sản bảo đảm.

Quá trình trả nợ, chị B đã vi phạm nghĩa vụ, không có khả năng thanh toán và chuyển nợ quá hạn ngày 20/4/2020. Ngân hàng yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 20/9/2021 là: 145.197.552đồng, trong đó: Nợ gốc: 117.239.956đồng; Nợ lãi: 27.957.596đồng.

** Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu B, quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng do chị B vắng mặt tại địa phương, đồng thời gửi các văn bản qua dịch vụ bưu C cho chị B theo địa chỉ mới. Chị B không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.*

Tại phiên toà:

* Đại diện Ngân hàng TMCP Bưu điện L V trình bày:

- Ngân hàng giữ quan điểm khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Thu B phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến hết ngày 17/3/2022 là: Nợ gốc là

117.239.956đồng; Nợ lãi: 41.353.143đồng (Trong đó lãi trong hạn là 21.359.858đồng; Lãi quá hạn là 17.539.959đồng; Lãi chậm trả là 2.453.326đồng).

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu lãi chậm trả đối với chị B. Ngân hàng yêu cầu chị B thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn của khoản vay, tổng tạm tính đến hết ngày 17/3/2022 là: 156.139.773đồng. Kể từ ngày tuyên án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị B phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng đến khi nào thanh toán xong khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B G phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa và không có ý kiến gì về nội dung giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Bưu điện L V.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thu B phải trả Ngân hàng TMCP Bưu điện L V tính đến hết ngày 17/3/2022 156.139.773 đồng (Trong đó nợ gốc là: 117.239.956đồng, Lãi trong hạn là 21.359.858đồng; Lãi quá hạn là: 17.539.959đồng), theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3002017564 ngày 01/11/2017 và Giấy đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 3002017564/01 ngày 01/11/2017. Chị B phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tuyên án.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B G.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm

b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Bưu điện L V khởi kiện yêu cầu bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu B phải trả tiền gốc, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng do chị B vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận cam kết trong hợp đồng tín dụng. Chị B vay tiền Ngân hàng nhằm mục đích tiêu dùng, nên xác định quan hệ pháp luật là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ngân hàng TMCP Bưu điện L V khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố B G là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b; g Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B G.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn:

Theo lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, xác định ngày 01/11/2017, chị Nguyễn Thị Thu B đã ký Hợp đồng tín dụng số 3002017564 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 3002017564/01 với Ngân hàng TMCP Bưu điện L V – Chi nhánh B G, số tiền vay 220.000.000đồng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng; Lãi suất 14%/năm; Lãi suất cho vay được quy đổi theo tỷ lệ %/năm là: 14,2%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm; Phương thức điều chỉnh lãi suất: Định kỳ 03 tháng/lần; Kỳ trả nợ gốc: 60 kỳ.

Do chị B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên thời điểm chuyển nợ quá hạn và không có khả năng thanh toán từ ngày 20/4/2020. Khoản nợ hiện tại Ngân hàng yêu cầu chị B thanh toán tính đến hết ngày 17/3/2022 là 156.139.773 đồng (Trong đó nợ gốc là: 117.239.956đồng, Lãi trong hạn là 21.359.858đồng; Lãi quá hạn là: 17.539.959đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu buộc chị B trả nợ, chị B không có ý kiến gì, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc chị Nguyễn Thị Thu B phải trả tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc. Chị B phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày tuyên án.

Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu về lãi chậm trả, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu này.

[2.2]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bị buộc phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b, g khoản 1 Điều 40; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Bưu điện L V.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thu B phải trả cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện L V số tiền nợ theo: Hợp đồng tín dụng số 3002017564 ngày 01/11/2017 và Giấy đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 3002017564/01 ngày 01/11/2017, cụ thể tính đến hết ngày 17/3/2022 là 156.139.773đồng; Trong đó, tiền nợ gốc là: 117.239.956đồng, Lãi trong hạn là 21.359.858đồng; Lãi quá hạn là: 17.539.959đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (18/3/2022), chị Nguyễn Thị Thu B còn phải tiếp tục chịu tiền lãi (trong hạn và quá hạn) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L V cho vay thì lãi suất chị B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Thu B phải chịu 7.806.988đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Bưu điện L V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.629.000đồng theo biên lai số 0001152 ngày 29/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B G, tỉnh B G.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. B G;
- VKSND T. B G
- VKS TP B G,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Mạnh Thắng